

Phụ lục II
Định mức kinh tế- kỹ thuật: Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm
công nghiệp nông thôn (CNNT) tiêu biểu cấp tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Nội dung công việc	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	Định mức lao động trực tiếp	213,96	
<i>1</i>	<i>Định mức giờ công của lao động có chuyên môn</i>	<i>213,96</i>	
*	Trình độ đại học	213,96	
-	Ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch bình chọn gửi đến các địa phương	8	
-	Khảo sát, thu thập số liệu làm cơ sở lập đề án tổ chức bình chọn	6	
-	Lập đề án xin hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT	24	
-	Lập tờ trình đề nghị Hội đồng thẩm định; Sở Công Thương thẩm định đề án	0,66	
-	Tham gia tổ chức thẩm định đề án		
+	<i>Ban hành văn bản gửi đến các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến công tỉnh Kon Tum</i>	<i>0,33</i>	
+	<i>Photo; Scan tài liệu đề án và các giấy tờ liên quan gửi các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến công tỉnh Kon Tum</i>	<i>0,66</i>	
+	<i>Tham gia thẩm định đề án</i>	<i>0,66</i>	
+	<i>Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến công tỉnh Kon Tum</i>	<i>0,33</i>	
-	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt		
+	<i>Ban hành tờ trình xin phê duyệt</i>	<i>0,33</i>	
+	<i>Photo; Scan tài liệu đề án và các giấy tờ liên quan</i>	<i>0,66</i>	
+	<i>Dự thảo Quyết định phê duyệt</i>	<i>0,33</i>	
-	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thành lập Hội đồng bình chọn		
+	<i>Ban hành tờ trình thành lập Hội đồng</i>	<i>4</i>	
+	<i>Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng</i>	<i>4</i>	
-	Trình Hội đồng bình chọn thành lập Ban giám khảo tổ chức bình chọn.		

STT	Nội dung công việc	Định mức (giờ)	Ghi chú
+	Ban hành tờ trình thành lập Ban giám khảo bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu	4	
+	Dự thảo Quyết định thành lập Ban giám khảo	4	
-	Ban hành quy chế làm việc của Ban giám khảo bình chọn		
+	Dự thảo Ban hành quy chế gửi các thành viên Ban giám khảo	8	
+	Tổng hợp ý kiến các thành viên và Ban hành quy chế làm việc của Ban giám khảo.	8	
-	Hướng dẫn hồ sơ đăng ký bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh	60	
-	Tổng hợp hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNT	4	
-	Tổ chức chấm điểm của Ban giám khảo bình chọn.		
+	Ban hành giấy mời gửi đề các thành viên Ban giám khảo bình chọn	2	
+	Photo; Scan tài liệu hồ sơ và các giấy tờ có liên quan gửi Ban giám khảo	4	
+	Tổ chức chấm điểm	8	
+	Lập biên bản tổng hợp kết quả chấm điểm gửi Hội đồng bình chọn	4	
-	Hội đồng bình chọn tổ chức bình chọn		
+	Ban hành giấy mời gửi đến các thành viên Hội đồng bình chọn	2	
+	Tổ chức làm việc với Hội đồng bình chọn	4	
+	Báo cáo biên bản làm việc của Hội đồng	4	
-	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh		
+	Ban hành tờ trình xin công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh	2	
+	Dự thảo Quyết định	2	
+	Dự thảo Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	4	
-	Trao giấy chứng nhận; bằng khen cho các sản phẩm đạt giải		
+	Ban hành giấy mời gửi các cá nhân; tập thể; các tổ chức liên quan tham dự	4	
+	Chuẩn bị các nội dung: Trang trí Hội trường; bài phát biểu trao chứng nhận	4	

STT	Nội dung công việc	Định mức (giờ)	Ghi chú
+	<i>Tổ chức Lễ trao giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh</i>	4	
-	Báo cáo kết quả thực hiện đề án	4	
-	Hoàn thiện thanh toán chứng từ; lưu trữ hồ sơ	24	
II	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ)	72,31	
*	Trình độ đại học		
-	Thực hiện phê duyệt các thủ tục có liên quan để triển khai đề án	26,31	
-	Tổ chức thực hiện đề án	34	
-	Báo cáo kết quả thực hiện đề án	4	
-	Thực hiện thanh quyết toán, lưu trữ hồ sơ	8	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy vi tính để bàn chuyên môn	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	134,64
2	Máy vi tính để bàn quản lý	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	38,31
3	Máy vi tính để bàn kế toán	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	28
4	Máy in	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	134,64
5	Máy photo	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	5,32

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		15	0	100%
2	Giấy A4	Ram		5	0	100%
3	Mực in	Hũ		1	50	50 %
4	Mực photo	Hũ		2	0	100%

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
5	Bút viết	Cây		20	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		20	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	91,7	8,3%
8	Ghim bấm	Hộp		1	91,7	8,3%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	0	100%
10	Băng keo	Cuộn		2	0	100%
